

Số: 469/TB - KV XIII

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 11 năm 2018

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN
TẠI CÔNG TY TNHH MTV CAO SU CÔNG NGHIỆP

Kính gửi: Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao Su Công Nghiệp

Thực hiện Quyết định số 1961/QĐ-KTNN ngày 20/09/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2017 của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai. Tổ Kiểm toán nhà nước đã tiến hành kiểm toán tại Công ty TNHH MTV Cao Su Công Nghiệp từ ngày 29 tháng 10 năm 2018 đến hết ngày 03 tháng 11 năm 2018.

Căn cứ kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán, Kiểm toán nhà nước khu vực XIII thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán để đơn vị biết và tổ chức thực hiện như sau:

I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Các kết quả kiểm toán về số liệu, nhận xét, đánh giá được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán đã được ký với đơn vị ngày 10 tháng 11 năm 2018 và kết quả kiểm toán về số liệu Báo cáo tài chính năm 2017 (*Chi tiết tại các phụ lục kèm theo biên bản kiểm toán*).

Sau đây là một số kết luận chủ yếu sau:

Qua kiểm toán về việc tuân thủ pháp luật, chính sách, chế độ tài chính kế toán trong năm 2017 đánh giá: Nhìn chung, Công ty đã bảo toàn được vốn chủ sở hữu và hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; năm 2017 không để xảy ra sai phạm trong việc chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng vốn và mua sắm tài sản, đầu tư XD CB. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại trong công tác quản lý tài chính như sau:

- Trong công tác quản lý tài sản và nguồn vốn: Công ty chưa thực hiện đầy đủ thủ tục thanh lý theo quy định đối với cây su bị ảnh hưởng bởi dự án đường dây 500Kv Vĩnh Tân – rẽ Sông Mây – Tân Uyên, đoạn qua huyện Xuân Lộc, Đồng Nai, đoạn qua huyện Hàm Tân, Bình Thuận;

- Trong thực hiện Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước: Công ty chưa xây dựng và ban hành Quy chế Người đại diện vốn, tổ chức đánh giá hoạt động của Người đại diện vốn;

- Trong công tác kê khai Thuế và các khoản phải nộp NSNN: Công ty chưa thực hiện kê khai thuế tài nguyên đối với hoạt động khai thác nước ngầm để phục vụ cho hoạt động SXKD.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp

1.1 Kiến nghị về xử lý tài chính:

Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp thực hiện nộp ngân sách Nhà nước khoản thuế tài nguyên do Kiểm toán nhà nước xác định 5.751.568 đồng.

1.2. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước:

- Đề nghị Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp thực hiện chấn chỉnh công tác thanh lý TSCĐ theo quy định hiện hành.

- Đề nghị Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp thực hiện xây dựng và ban hành Quy chế Người đại diện vốn, tổ chức đánh giá hoạt động của Người đại diện vốn.

- Đơn vị đã thực hiện quyết toán để chuyển sang Công ty cổ phần vào 01/03/2018, xét trên góc độ trọng yếu đề nghị đơn vị nộp số thuế tài nguyên trên nhưng không thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán trong năm 2017 và thực hiện hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

2. Đối với Cục Thuế Đồng Nai:

Đơn đốc Công ty nộp số thuế qua kiểm toán đã nêu trên.

Đề nghị Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước khu vực XIII địa chỉ số 209 đường Lê Hồng Phong, Phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu trước ngày 31/03/2019. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do).

Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về nộp ngân sách nhà nước đề nghị ghi rõ trên chứng từ theo nội dung nộp NSNN số tiền 5.751.568 đồng, thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2017 tại Báo cáo kiểm toán Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai phát hành kèm theo Công văn số 847/KTNN-TH ngày 28 tháng 12 năm 2018. Trong đó, các trường hợp thực hiện kiến nghị nộp NSNN phải đồng thời ghi rõ nộp NSNN theo Công văn số 451/KV XIII - TH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII gửi Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai, Công văn số 452/KV XIII - TH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII gửi Kho bạc nhà nước Trung ương.

Thông báo này gồm 02 trang, từ trang 01 đến trang 02 và phụ lục số 01, 04/HSKT-KTNN là bộ phận không tách rời của Thông báo này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Cục thuế tỉnh Đồng Nai;
- TCT CNTP Đồng Nai;
- Vụ Chế độ và KSCLKT;
- Lưu: ĐKT, VT.

KIỂM TOÁN TRƯỞNG



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Kèm theo Thông báo số 09/TB-KTNN KV XIII ngày 28 tháng 12 năm 2018)



PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

I. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2017

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	155.065.197.546	155.065.197.546	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	75.152.369.210	75.152.369.210	-
1. Tiền	111	75.152.369.210	75.152.369.210	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	64.900.000.000	64.900.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	64.900.000.000	64.900.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2.063.143.333	2.063.143.333	-
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	77.500.000	77.500.000	-
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.985.643.333	1.985.643.333	-
IV. Hàng tồn kho	140	12.949.685.003	12.949.685.003	-
1. Hàng tồn kho	141	12.949.685.003	12.949.685.003	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	-	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	108.520.684.711	108.520.684.711	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	-
II. Tài sản cố định	220	67.723.906.613	67.723.906.613	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	67.723.906.613	67.723.906.613	-
- Nguyên giá	222	120.603.401.975	120.603.401.975	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(52.879.495.362)	(52.879.495.362)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	3.540.305.291	3.540.305.291	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	3.540.305.291	3.540.305.291	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	35.000.000.000	35.000.000.000	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	35.000.000.000	35.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	2.256.472.807	2.256.472.807	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	2.256.472.807	2.256.472.807	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	270	263.585.882.257	263.585.882.257	-
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	91.543.039.856	91.543.039.856	-
I. Nợ ngắn hạn	310	91.543.039.856	91.543.039.856	-
1. Thuế và các khoản phải nộp NN	313	1.340.575.957	1.340.575.957	-
2. Phải trả người lao động	314	4.197.178.427	4.197.178.427	-
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	55.000.000	55.000.000	-

4. Phải trả ngắn hạn khác	319	80.411.621.810	80.411.621.810	-
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.538.663.662	5.538.663.662	-
II. Nợ dài hạn	330	-	-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	172.042.842.401	172.042.842.401	-
I. Vốn chủ sở hữu	410	172.042.842.401	172.042.842.401	-
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	121.000.000.000	121.000.000.000	-
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	121.000.000.000	121.000.000.000	-
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	51.042.842.401	51.042.842.401	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-
TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	263.585.882.257	263.585.882.257	-

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A		1	2	3=2-1
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	01	66.582.180.000	66.582.180.000	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01-02)	10	66.582.180.000	66.582.180.000	-
4. Giá vốn hàng bán	11	46.464.044.999	46.464.044.999	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20	20.118.135.001	20.118.135.001	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.836.618.967	3.836.618.967	-
7. Chi phí tài chính	22	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	42.600.000	42.600.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	10.148.218.357	10.148.218.357	-
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30=20+(21-22)-(24+25))	30	13.763.935.611	13.763.935.611	-
11. Thu nhập khác	31	1.485.993.876	1.485.993.876	-
12. Chi phí khác	32	31.623.869	31.623.869	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	1.454.370.007	1.454.370.007	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	15.218.305.618	15.218.305.618	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.575.736.612	2.575.736.612	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	12.642.569.006	12.642.569.006	-

3. Thực hiện nghĩa vụ với NSNN đến 31/12/2017

3.1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1

I. Thuế	-	-	-
II. Các khoản phải thu khác	-	-	-
Tổng cộng =I+II	-	-	-
III. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-

3.2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	1.340.575.957	1.340.575.957	-
1. Thuế GTGT	342.232.313	342.232.313	-
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	904.306.500	904.306.500	-
3. Thuế thu nhập cá nhân	48.213.481	48.213.481	-
5. Thuế nhà đất và tiền thuê đất	45.823.663	45.823.663	-
6. Thuế tài nguyên	-	5.751.568	5.751.568
II. Các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng =I+II	1.340.575.957	1.340.575.957	-
III. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TẶNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017
Qua kiểm toán Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai tại Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp
(Kèm theo Thông báo số 44/TB-KVXIII ngày 28 tháng 12 năm 2018)



Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng cộng	Thuế tài nguyên phải nộp
1	Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp	5.751.568	5.751.568
	Tổng cộng	5.751.568	5.751.568

